TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
"V/v Ly hôn giữa chị H và anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019; Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 03/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 23/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H (M), sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Quốc B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị H trình bày như sau:

Chị H và anh B bắt đầu chung sống cùng nhau vào năm 2002, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khoảng 04 năm thì ly thân. Vào năm 2007 vợ chồng tiếp tục quay về chung sống và đến ngày 07/4/2009 thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Đến năm 2017 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ham mê đánh cờ bạc, có quan hệ ngoại tình, nhiều lần đánh đập vợ và nói không muốn tiếp tục sống với chị H nữa. Khi mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được chị H đã bỏ nhà đi làm thuê thì anh B đã dắt người phụ nữ khác về chung sống, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 03 năm. Đến nay nhận thấy vợ chồng không còn chung sống, không thể mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị H xin được ly hôn với anh Bảo.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 người con chung là cháu Ngô Thị Linh Đ, sinh ngày 27/10/ 2003 và cháu Ngô Thị Bảo H, sinh ngày 01/01/2009. Cháu Linh Đ đang sống với mẹ còn cháu Bảo H sống hiện đang sống với anh B. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Linh Đ và giao cháu Bảo H cho anh B nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tòa Tòa án - bị đơn anh Ngô Quốc B đều vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Ý kiến trình bày của con chung: Tại văn bản trình bày ý kiến, cháu Ngô Thị Linh Đ có nguyện vọng được sống với mẹ còn cháu Ngô Thị Bảo H có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha, mẹ ly hôn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao khai sinh của cháu Ngô Thị Bảo H; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn. Bị đơn không cung cấp chứng cứ. Tòa án thu thập trích lục giấy khai sinh của cháu Ngô Thị Linh Đ.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị H và anh B xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, giữa vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất hòa , chị H bỏ nhà đi làm thuê vào năm 2017 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay anh chị không còn quan tâm đến nhau và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay anh B đang nuôi 01 người chung là cháu Ngô Thị Bảo H, lo cho con có chỗ ăn ở ổn định, được học tập bình thường.

Tòa án thu thập lời khai của bà Dương Thị H (Là mẹ của anh Ngô Quốc B), bà H trình bày cho biết các văn bản tố tụng của Tòa án bà H nhận thay con và đã giao lại cho con, về ý kiến phản hồi của anh B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vấn đề hôn nhân của anh B và chị H theo quy định của pháp luật, anh B có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo H sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Bảo H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị phần tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh B; đề nghị áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Linh Đ cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Bảo H cho anh B nuôi dưỡng, không ai có yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị H xin ly hôn với anh B và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Chị H và anh B chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau một thời gian chung sống hôn nhân của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh B tham gia tệ nạn cờ bạc, có quan hệ ngoại tình với người khác, không còn sự thương yêu tôn trọng người vợ và còn có có hành vi bạo hành vợ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không hợp tác không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hiện nay vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, không còn sự thương yêu, quan tâm, chia sẻ để cùng nhau xây dựng hôn nhân hạnh phúc tiến bộ và mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung đều chưa trưởng thành, 01 người con sống với cha và một người con sống với mẹ. Cháu Linh Đ có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Bảo H có nguyện vọng sống với cha. Xét thấy, anh chị đều không có công việc làm ổn định, sau khi ly hôn mỗi người đảm đương nuôi một người con sẽ chia

sẻ được gánh nặng kinh tế cho nhau và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Linh Đ cho chị Hồng nuôi dưỡng và giao cháu Bảo H cho anh B nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng mỗi người nuôi một người con chung và không ai có yêu giải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Ngô Quốc B.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Linh Đ, sinh ngày 27/10/2003 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Thị Bảo H, sinh ngày 01/01/2009 cho anh Ngô Quốc B nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002067 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/11/2019), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu, HS, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm